

PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐỐI VỚI TỪNG
LOẠI CÂY TRỒNG

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
NHÓM CÂY ĂN QUẢ		
1.	Bí đao	BIDAO1
2.	Bơ	BO0001
3.	Bòn bon	BONBON
4.	Bưởi	BUOI01
5.	Bưởi Thanh trà	BTT001
6.	Bưởi da xanh	BDX001
7.	Cam	CAM001
8.	Chanh	CHANH1
9.	Chanh leo	CL0001
10.	Chôm Chôm	CC0001
11.	Chuối	CHUOI1
12.	Đào	DAO001
13.	Dâu da	DAUDA1
14.	Dâu tây	DAUTAY
15.	Đu đủ	DUDU01
16.	Đu đủ xanh	DDX001
17.	Dừa	DUA001
18.	Dừa hấu	DUAHAU
19.	Dừa lê	DUALE1
20.	Dừa lười	DL0001
21.	Dứa/Thơm	DUA002
22.	Hồng	HONG01
23.	Hồng xiêm	HX0001
24.	Lê	LE0001
25.	Mận	MAN001
26.	Roi	ROI001
27.	Mãng cầu/Na	MC0001
28.	Mãng cụt	MC0002
29.	Mít	MIT001
30.	Mơ	MO0001
31.	Nhãn	NHAN01
32.	Nho	NHO001

33.	Ôi	OI0001
34.	Quát/Tắc	QUAT01
35.	Quýt	QUYT01
36.	Sầu riêng	SR0001
37.	Táo	TAO001
38.	Thanh Long	TL0001
39.	Thanh Long ruột đỏ	TLRĐ01
40.	Thanh Long ruột trắng	TLRT01
41.	Thanh Long ruột tím hồng	TLRTH1
42.	Thanh Long vỏ vàng, ruột trắng	TLVVRT
43.	Vải	VAI001
44.	Vú sữa	VUSUA1
45.	Xoài	XOAI01
46.	Dưa bở	DUABO1
47.	Nai dai	NADAI1
48.	Na bở	NABO01
49.	Dưa gang	DG0001
50.	Dưa vàng	DV0001
NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC		
51.	Đậu xanh	DX0001
52.	Khoai lang	KL0001
53.	Khoai môn	KM0001
54.	Khoai tây	KT0001
55.	Lúa	LUA001
56.	Lúa nếp	LUANEP
57.	Ngô/Bắp	NGO001
58.	Sắn/Khoai mì	SAN001
59.	Đậu đỏ	DAUDO1
60.	Đậu đen	DAUDEN
61.	Khoai sọ	KS0001
62.	Củ ấu	CUAU01
NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP		
63.	Bạch đàn	BD0001
64.	Bông	BONG01
65.	Ca cao	CACAO1
66.	Cà phê	CAPHE1
67.	Cao su	CAOSU1

68.	Chè/Trà	CHE001
69.	Dâu tằm	DAUTAM
70.	Đậu tương	DT0001
71.	Điêu	DIEU01
72.	Đinh hương	DH0001
73.	Hồ tiêu	HOTIEU
74.	Lạc	LAC001
75.	Mac ca	MACCA1
76.	Mía	MIA001
77.	Sacha Inchi	SI0001
78.	Thuốc lá	TL0002
79.	Tung dầu	TD0001
80.	Vừng	VUNG01
81.	Dong riềng	DR0001
82.	Đàn hương	DH0002
83.	Quế	QUE001
84.	Hồi	HOI001
85.	Cây cỏ bàng	CCB001
86.	Thuốc Lào	TL0003
NHÓM CÂY RAU VÀ GIA VỊ		
87.	Bầu	BAU001
88.	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
89.	Cà chua	CACHUA
90.	Cà rốt	CAROT1
91.	Cà tím	CATIM1
92.	Cải bắp	CAIBAP
93.	Cải củ	CAICU1
94.	Cải thảo	CT0001
95.	Cải xanh	CX0001
96.	Cần tây	CANTAY
97.	Chi diếp/Luối mác	CD0001
98.	Chùm ngây	CN0001
99.	Đậu Bắp	DAUBAP
100.	Đậu các loại	DCL001
101.	Đậu đũa	DAUDUA
102.	Đậu Hà Lan	DHL001
103.	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
104.	Gừng	GUNG01

105.	Hành tây	HT0001
106.	Hành	HANH01
107.	Hẹ	HE0001
108.	Hoa hời	HOAHOI
109.	Húng	HUNG01
110.	Măng tây	MT0001
111.	Măng tre	MT0002
112.	Muống đắng	MD0001
113.	Nghệ	NGHE01
114.	Ớt	OT0001
115.	Ớt hiểm	OTHIEM
116.	Ớt xiêm	OTXIEM
117.	Rau Dền	RAUDEN
118.	Rau muống	RM0001
119.	Su hào	SUHAO1
120.	Súp lơ trắng	SLT001
121.	Súp lơ xanh	SLX001
122.	Tỏi	TOI001
123.	Xà lách	XL0001
124.	Bí ngòi	BINGOI
125.	Củ nén/hành tằm	HT0002
126.	Cà pháo	CAPHAO
127.	Cà pháo chùm	CPC001
128.	Củ dền	CUDEN1
129.	Su su	SUSU01
130.	Đậu ngự	DAUNGU
131.	Cải ngọt	CN0002
132.	Cải thìa	CT0002
133.	Sả/Sả chanh	SA0001
134.	Kiệu	KIEU01
135.	Tía tô	TIATO1
136.	Kinh giới	KG0001
137.	Húng quế	HQ0001
138.	Diếp cá/Giáp cá	DIEPCA
139.	Mồng tơi	MT0003
140.	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001
141.	Riềng	RIENG1
142.	Rau mùi/ Ngò rí	RAUMUI
143.	Rau răm	RAURAM

144.	Rau ngổ	RAUNGO
145.	Thìa là/ Thì là	THIALA
146.	Nấm sò	NAMSO1
147.	Nấm rom	NAMROM
148.	Nấm kim châm	NKC001
149.	Nấm mỡ	NAMMO1
150.	Nấm đùi gà	NDG001
151.	Nấm hương/ Nấm Đông cô	NH0001
152.	Mộc nhĩ/ Nấm mèo	MOCNHI
153.	Mướp hương	MH0001
154.	Cải bẹ/ Cải Đông dư	CAIBE1
155.	Cải ngồng	CN0004
156.	Cải cúc	CAICUC
157.	Cải mөр	CAIMO1
158.	Đậu Cove/ Đậu trạch	DCV001
159.	Bí xanh	BIXANH
160.	Củ cải trắng	CCT001
161.	Củ cải đỏ	CCD001
162.	Mùi tàu (Ngò gai)	MUITAU
163.	Hương nhu	HN0001
164.	Rau	RAU001
165.	Rau má	RM0002
166.	Rau thập tự	RTT001
167.	Rau gia vị	RGV001
168.	Rau họ Bầu bí	RHBB01
169.	Cải xoong	CX0002
170.	Súp lơ	SUPLO1
NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU		
171.	Sâm nữ hoàng/ Dương đề nhãn	SNH001
172.	Cây Atiso	ATISO1
173.	Cây Địa liền	CDL001
174.	Ngải cứu	NC0001
175.	Củ mài/ Hoài sơn	CUMAI1
176.	Dừa cạn	DC0002
177.	Bạc hà	BH0001
178.	Dây thìa canh	DTC001
179.	Cỏ ngọt	CN0003
180.	Cà gai leo	CGL001

181.	Sen	SEN001
182.	Kim ngân hoa	KNH001
183.	Sâm Nam núi Dành	SNND01
184.	Cây Hương thảo	HT0003
185.	Trà Hoa vàng	THV001
186.	Ba Kích	BAKICH
187.	Thạch đen	TD0002
188.	Nha đam	NHADAM
189.	Tang ký sinh	TKS001
190.	Chè dây	CHEDAY
NHÓM HẠT GIỐNG		
191.	Hạt giống Ớt ngọt	ON001G
192.	Hạt giống Ớt cay	OC001G
193.	Hạt giống Cà chua	CC001G
NHÓM NGỌN GIỐNG, CÂY GIỐNG HOA		
194.	Ngọn giống, cây giống hoa Thu Hải Đường	THD01G
195.	Ngọn giống, cây giống hoa Càng cua	HCC01G
196.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc cánh môi	CCC01G
197.	Ngọn giống, cây giống hoa xương rồng bát tiên	XRBT1G
198.	Ngọn giống, cây giống hoa chuông	HC001G
199.	Ngọn giống, cây giống hoa dâm bụt	DB001G
200.	Ngọn giống, cây giống hoa mã đề	MD001G
201.	Ngọn giống, cây giống hoa cẩm chướng	CC002G
202.	Ngọn giống, cây giống hoa oải hương	OH001G
203.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc Nam Phi	CNP01G
204.	Ngọn giống, cây giống hoa Hạnh tiên thảo	HTT01G
205.	Ngọn giống, cây giống hoa hồng trai	HHT01G
NHÓM HOA CÂY CẢNH		
206.	Hoa Nhài	NHAI01
207.	Hoa Lay ơn	LAYON1
208.	Hoa Lily	LILY01
209.	Hoa Đồng tiền	DT0002

210.	Hoa Cúc	CUC001
211.	Hoa Cẩm chướng	CC0002
212.	Hoa Lan Hồ điệp	LHD001
213.	Hoa Địa lan	DIALAN
214.	Hoa Tulip	TULIP1
215.	Cây trầu bà	TRAUBA
216.	Cây trầu bà lá xẻ	TBLX01
217.	Ráy	RAY001
218.	Môn	MON001
219.	Thiên niên kiện	TNK001
220.	Trúc bạc	TB0001
221.	Hồng môn	HM0001
222.	Cây trầu bà rừng	TBR001
223.	Cây trầu bà cánh én	TBCE01
224.	Hoa lan	HOALAN
225.	Mẫu đơn	MAUDON